TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2023

Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hoàng Minh**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Lệ H**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Lệ H trình bày:*** Chị H và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 2008 đến ngày 09 tháng 5 năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng do mai mối, sau đó vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có những quan điểm không hợp nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và kinh tế, vợ chồng thường cự cãi nhau, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 02/4/2014 và Nguyễn Thiện N1 – sinh ngày 27/02/2016. Hiện nay các cháu đang sống với anh T.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung:* chị H giao cháu N và cháu N1 cho anh T nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai và Biên bản hoà giải anh Nguyễn Thanh T trình bày:*** anh T đồng ý với lời trình bày của chị H về năm vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường cự cãi nhau, không tin tưởng nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hai vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay.

Tại toà án anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị H nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản.

Về con chung: nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh T yêu cầu được nuôi cháu N và cháu N1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lệ H, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Lệ H và anh Nguyễn Thanh T. Về quan hệ con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 02/4/2014 và cháu Nguyễn Thiện N1 – sinh ngày 27/02/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: buộc chị H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt. Xét thấy anh T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2013 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có những quan điểm không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm, vợ chồng thường cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn lại được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn. Do đó việc hòa giải theo quy định của luật không mang lại kết quả.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*". Hội đồng xét xử xét thấy thực tế giữa chị H và anh T không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không

cùng nhau chia sẻ, chăm sóc gia đình trong cuộc sống hàng ngày, chị H và anh T đều xác nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H.

[4] Về quan hệ con chung: chị H và anh T xác nhận anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 02/4/2014 và Nguyễn Thiện N1 – sinh ngày 27/02/2016. Tại biên bản hoà giải anh Toàn yêu cầu được nuôi cháu N và cháu N1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị H thống nhất tiếp tục giao cháu N và cháu N1 cho anh T nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Theo nguyện vọng của cháu N và cháu N1 là xin được sống với anh T. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị H, anh T và nguyện vọng của cháu N, cháu N1. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 02/4/2014 và cháu Nguyễn Thiện N1 – sinh ngày 27/02/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí HNST: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Lệ H. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Lệ H và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 02/4/2014 và cháu Nguyễn Thiện N1 – sinh ngày 27/02/2016 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Lệ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Lệ H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0002373 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *UBND xã Thạnh Đông;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái